TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BL** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HS-ST
Ngày 11 - 7 -2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BL, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lục Thị Minh

Bà Lương Thị Nụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hạ Thị Soan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Bế Việt Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng, tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2024/TLST-HS ngày 20/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HS ngày 27/6/2024 đối với bị cáo:

Lầu Thị D (tên gọi khác: Không), sinh ngày 14/6/1980 tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm LL, xã YT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Mù chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lầu A G (đã chết) và con bà Vừ Thị K, sinh năm 1942; chồng: Ma A D, sinh năm 1977; con: 04, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/3/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Thị DT – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng dân tộc Mông:* Ông Hoàng A T; Nơi cư trú: Khu x, thị trấn PM, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Người chứng kiến:* Vừ A Q, sinh ngày 01/6/1990; Nơi cư trú: xóm LL, xã YT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 15 phút ngày 10/3/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng đang thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Ma A D tại xóm LL, xã YT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Lầu Thị D là vợ của Ma A D đã tự thú với cơ quan điều tra, tự giác giao nộp 02 mảnh ống tre đã bị cắt đôi, bên trong đều chứa chất nhựa màu nâu đen (nghi là thuốc phiện). Cơ quan điều tra đã tiến hành lập biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú. Kết quả khám xét, không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại cơ quan điều tra, Lầu Thị D khai nhận như sau: Khoảng đầu năm 2023 có một người đàn ông người dân tộc Dao, D không rõ họ tên, địa chỉ đến nhà hỏi D có mua cây thuốc phiện không, D không mua mà xin người này 02 quả thuốc phiện khô để làm giống. Đến cuối năm 2023, D một mình lấy 02 quả thuốc phiện khô bên trong có nhiều hạt D đã xin được trước đó mang đi gieo trồng tại nương rẫy của D thuộc xóm LL, xã YT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Một thời gian sau, có khoảng hơn 20 cây thuốc phiện mọc lên, cây lớn lên mọc mỗi cây khoảng 02 quả. D dùng mảnh lưỡi lam cứa nhiều vết theo chiều dọc của quả để nhựa của quả thuốc phiện chảy ra, D dùng 02 mảnh ống tre đã cắt đôi để đựng số nhựa thuốc phiện này. Sau khi thu hoạch hết nhựa, D nhổ toàn bộ số cây thuốc phiện về làm thức ăn cho gia súc gia cầm, còn số nhựa thuốc phiện D vẫn để trong hai mảnh ống tre và cất giấu trên gác bếp, mục đích để nếu gia súc gia cầm trong gia đình mắc bệnh, D sẽ sử dụng làm thuốc chữa, ngoài ra không có mục đích khác. Khi chồng của D là Ma A D bị khám xét khẩn cấp chỗ ở, D đã đã tự thú, giao nộp 02 mảnh ống tre chứa nhựa của quả thuốc phiện.

Ngày 10/3/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện BL tiến hành mở niêm phong vật chứng, cân khối lượng và lấy mẫu gửi giám định. Kết quả, số chất nhựa màu nâu đen mà Lầu Thị D giao nộp có khối lượng là 9,05 gam. Sau đó trích 0,91 gam làm mẫu gửi đi trưng cầu giám định. Bản kết luận giám định số: 200/KL-KTHS ngày 18/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: Mẫu chất nhựa màu nâu đen bên trong túi niêm phong gửi giám định là "Thuốc phiện".

Hành vi trồng cây thuốc phiện và cứa quả thuốc phiện lấy nhựa thuốc phiện của Lầu Thị D chỉ có duy nhất lời khai của D, không có các chứng cứ khác. Căn cứ Điều 98 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự D về tội Sản xuất trái phép chất ma tuý theo Điều 248 của Bộ luật Hình sự.

Đối với người đàn ông dân tộc Dao đã cho D 02 quả thuốc phiện, bên trong chứa nhiều hạt để làm giống, D không biết họ tên, địa chỉ của người đàn ông này, cơ quan cảnh sát điều tra không có cơ sở mở rộng vụ án.

Ma A D là chồng của Lầu Thị D, D không biết việc trồng và lấy nhựa cây thuốc phiện về nhà cất giữ nên D không phải đồng phạm trong vụ án, cơ quan cảnh sát điều tra không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với D. Hiện nay D đang bị điều tra, xử lý trong vụ án Mua bán trái phép chất ma tuý xảy ra ngày 10/3/2024 tại xóm NV, xã YT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

Vật chứng đã tạm giữ được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

Bản Cáo trạng số 27/CT-VKSBL ngày 18/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Lầu Thị D về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo điểm b, khoản 1, Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Lầu Thị D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố. Người chứng kiến Vừ A Q là Công an viên xóm LL, xã YT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng khai: Vào 20 giờ 15 phút ngày 10/3/2024, khi ông đang ở nhà thì được các đồng chí công an huyện BL thông báo đến nhà ông Ma A D, Đến nơi, ông được chứng kiến sự việc bị cáo Lầu Thị D tự nguyện giao nộp 02 mảnh ống tre đã cắt đôi bên trong có nhựa thuốc phiện, chứng kiến sự việc 02 nửa ống tre có chứa nhựa thuốc phiện được niêm phong vào trong túi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo D theo Cáo trạng số 27/CT-VKSBL ngày 18/6/2024. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Lầu Thị D phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý; Về hình phạt chính, đề nghị áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 249; điểm s, r, khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo D từ 1 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù. Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng; Về vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu, tiêu huỷ 01 túi niêm phong chứa nhựa thuốc phiện; 01 ống tre bị cắt nửa có kích thước chiều dài 12 cm; 01 ống tre bị cắt nửa có kích thước chiều dài 13,5 cm. Về án phí: Tại phiên toà, bị cáo nộp đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Bị cáo tranh luận, bị cáo đã có tuổi, bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo xin được giảm mức hình phạt xuống thấp hơn đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, là 09 tháng tù và bị cáo xin hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo là bà Nguyễn Thị DT trình bày: Bà T nhất trí với tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ mà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL đã luận tội đối với bị cáo, bà Thảo đề nghị áp dụng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo không biết chữ và nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế. Đề nghị áp dụng điểm s, r, khoản 1, khoản 2, Điều 51; khoản 3, Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo hưởng mức hình phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Đề nghị miễn án phí cho bị cáo theo điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Về tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2, Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có

điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và không biết chữ, nhận thức pháp luật hạn chết, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng vì quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thừa nhận bị cáo biết hành vi trồng cây thuốc phiện, cất giấu thuốc phiện với mục đích làm thuốc cho gia súc gia cầm trong gia đình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Về đề nghị áp dụng khoản 3, Điều 54 dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo sẽ không có tính răn đe đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BL trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BL là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà bị cáo giao nộp đơn xin miễn án phí phù hợp với quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 61 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, Biên bản khám xét, Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: 20 giờ 15 phút ngày 10/3/2024, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Ma A D tại xóm LL, xã YT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng thì bị cáo Lầu Thị D đã tự thú với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL về việc bản thân đang cất giấu 9,05 gam nhựa thuốc phiện với mục đích làm thuốc cho gia súc, gia cầm. Bị cáo D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, hành vi tàng trữ trái phép nhựa thuốc phiện có khối lượng 9,05 gam của bị cáo D là bị cáo đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Điểm b, khoản 1, Điều 249 của Bộ luật Hình sự quy định:

"Điều 249. ***Tội tàng trữ trái phép chất ma túy***

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) ...

b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;"

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL truy tố đối với bị cáo Lầu Thị D về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo điểm b, khoản 1, Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Đồng phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Vụ án không có đồng phạm chỉ do một mình bị cáo thực hiện. Bị cáo biết được hành vi Tàng trữ trái phép chất ma tuý là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn tại địa phương, cần thiết phải xử phạt bị cáo thật nghiêm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cần xem xét thêm về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo không được đi học, không biết chữ, bị cáo được bố mẹ nuôi dưỡng, lớn lên, lập gia đình và sinh sống bằng nghề trồng trọt; bị cáo không có tiền án, tiền sự nên Hội đồng xét xử xác định bị cáo có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[7.1] Khi cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL đang tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Ma A D thì bị cáo D đã tự thú về hành vi tàng trữ nhựa thuốc phiện và giao nộp toàn bộ số nhựa thuốc phiện cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL; Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm r, s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7.2] Người bào chữa đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc bị cáo biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện là thể hiện ý thức chủ quan của bị cáo, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, còn bị cáo mù chữ, là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế thể hiện nhân thân, hoàn cảnh sống của bị cáo có phần thiệt thòi hơn so với những người khác và được xem là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác theo quy định tại khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên chấp nhận đề nghị của người bào chữa áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo.

[8] Về hình phạt chính: Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt nhưng việc buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn tại cơ sở giam giữ là cần thiết để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, răn đe bị cáo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời đảm bảo công tác phòng chống tội phạm ma tuý tại địa phương. Do đó, đề nghị của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo được hưởng án treo không được chấp nhận. Bị cáo D tàng trữ ma tuý khối lượng không lớn, bị cáo có 03 tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, do đó, bị cáo có đủ điều kiện để áp dụng khoản 3, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo D là có phần nghiêm khắc nhưng đề nghị mức hình phạt của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo được hưởng mức hình phạt 9 tháng tù cũng là quá nhẹ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5, Điều 249 của Bộ luật Hình sự "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng… hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản". Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, không có cơ sở để tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản đối với bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 túi niêm phong chứa nhựa thuốc phiện là vật nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu, tiêu huỷ theo điểm c, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với 02 ống tre bị cắt nửa, bị cáo D sử dụng đựng ma tuý, là công cụ phạm tội, cần tịch thu, tiêu huỷ theo điểm a, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Các vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng ngày 19/6/2024.

[11] Các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông dân tộc Dao đã cho D 02 quả thuốc phiện, bên trong chứa nhiều hạt để làm giống, D không biết họ tên, địa chỉ của người đàn ông này, cơ quan cảnh sát điều tra không có cơ sở mở rộng vụ án, Hội đồng xét xử không xem xét.

Ma A D là chồng của Lầu Thị D, D không biết việc trồng và lấy nhựa cây thuốc phiện về nhà cất giữ nên D không phải đồng phạm trong vụ án, cơ quan cảnh sát điều tra không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với D. Hiện nay D đang bị điều tra, xử lý trong vụ án Mua bán trái phép chất ma tuý xảy ra ngày 10/3/2024 tại xóm NV, xã YT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về nghĩa vụ chịu án phí: Xét đơn xin miễn án phí của bị cáo, bị cáo thuộc hộ cận nghèo, là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[14] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, những đề nghị nào phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận, những đề nghị nào không phù hợp thì không được chấp nhận. Lời nói sau cùng của bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lầu Thị D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 249; điểm s, r, khoản 1, khoản 2, Điều 51; khoản 3, Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lầu Thị D 10 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 10/3/2024. Không phạt bổ sung bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu tiêu huỷ:

- 01 túi niêm phong ký hiệu NS4, mã số 2115028, trên túi niêm phong có chữ ký của những người tham gia niêm phong và dấu điểm chỉ ngón trỏ phải của Lầu Thị D;

- 01 (một) ống tre bị cắt nửa có kích thước chiều dài 12 cm, đường kính 1,8 cm;

- 01 (một) ống tre bị cắt nửa có kích thước chiều dài 13,5 cm, đường kính 1,9 cm.

Xác nhận, các vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng và được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 40 ngày 19/6/2024.

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lầu Thị D.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều

30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện BL;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan THAHS huyện BL;
- Thi hành án dân sự huyện BL;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim